| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 01 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Ph - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Hồ Thanh Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kiều Th, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Hoàng Kh; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Huỳnh Tuyết N; Địa chỉ cư trú: Ấp Tấn Ng, xã Ng Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Chị Th trình bày:*

Chị Th và anh V chung sống năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh V thường vô cớ chửi bới chị, có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn kèo dài khoản 5 năm

nay, hiện đã ly thân khoản 2 tháng. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Chị và anh V có 03 con chung gồm: Huỳnh Thuý B, sinh ngày 07/6/2006, Huỳnh N, sinh ngày 24/3/2012 và Huỳnh Khuê C, sinh ngày 26/8/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi Khuê C; Thuý B đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết; Huỳnh N có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

Quá trình chung sống chị và anh V có các tài sản chung gồm:

- 01 căn nhà xây dựng cơ bản năm 2016, diện tích 24m$^2$, trị giá xây dựng mới là 80.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn 40.000.000 đồng.

- 11,5 lượng vàng 24k, số vàng này chị Th và anh V thống nhất cầm cố phần đất của ông Đặng Văn S diện tích 8 công tầm lớn, giá cầm cố 10,5 lượng vàng 24k, thời hạn cố đến tháng 10/2024 hết hạn.

- Cho ông Võ Văn Sơn (cha chị Th) mượn 1 lượng vàng 24k.

- 02 sổ tiết kiệm số tiền 113.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đầm D, do anh V đứng tên.

Chị Th có yêu cầu phân chia số tài sản trên nhưng quá trình giải quyết vụ án chị xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản. Trường hợp có tranh chấp chị sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị Th xác định không có nợ anh Kh số tiền 30.000.000 đồng; có nợ tiền thuê đất của anh T 2 năm bằng 8.000.000 đồng chị đồng ý cùng anh V mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh T 4.000.000 đồng khi anh T có yêu cầu; đối với hụi tham gia của chị N là loại hụi 1.000.000 đồng, chưa hốt nên không nợ tiền hụi chết. Phần ông Sơn nợ anh chị, chị Th cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

** Lời trình bày của anh V trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Qua trình bày của chị Th về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị Th trình bày không đúng. Cách nay khoảng 1 năm anh có đánh vào mặt chị Th một lần, không gây thương tích, từ đó đến nay anh không có đánh chị Th. Việc chị Th cho rằng anh thường chửi chị Th cũng không có. Thỉnh thoảng anh có nhắc nhở việc nhà chứ không có chửi chị Th. Từ khi chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay anh có qua yêu cầu chị Th trở về lo cho con và gia đình nhưng chị Th không đồng ý. Nay qua yêu cầu của chị Th anh không đồng ý vì anh còn thương chị Th, mong muốn được hàn gắn để cùng lo cho con.

Chị Th trình bày về con chung là đúng. Trường hợp Toà án giải quyết cho anh và chị Th ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi Khuê C; đối với Huỳnh N có nguyện vọng sống cùng ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Thúy B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung chị Th khai có phần đúng, có phần chưa đúng, cụ thể như sau:

- 01 căn nhà xây dựng cơ bản năm 2016, diện tích 24m$^2$, trị giá xây dựng mới là 80.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn 40.000.000 đồng.

- Anh và chị Th có cố đất của ông Đặng Văn S, diện tích cầm cố và giá cầm cố như chị Th trình bày là đúng. Vàng cầm cố là của anh chứ không phải của chị Th.

- Có 02 sổ tiết kiệm 120.000.000 đồng sau khi ly thân anh đã rút để xoay vốn làm ăn không còn.

- Khi chị Th bỏ đi có mang theo 4,5 chỉ vàng 24k, 1 lượng vàng 18k (02 bộ vòng và 1 sợi dây chuyền không xác định được trọng lượng từng loạn) và số tiền mặt khoảng 8.000.000 đồng.

Chị Th rút lại yêu cầu phân chia tài sản thì anh cũng thống nhất không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, anh và chị Th có nợ những người sau:

- Nợ anh Tôn Hoàng Kh; Địa chỉ cư trú: Ấp Chà Là, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau số tiền 30.000.000 đồng;

- Nợ chị Huỳnh Tuyết N; Địa chỉ cư trú: Ấp Tấn Ng, xã Ng Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau 2 phần hụi chết chưa mãn, hiện tại chưa xác định được số tiền cụ thể.

- Thuê đất của anh Huỳnh Thanh T, địa chỉ: Ấp Tân Hoà, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, diện tích đất thuê là 6 công, giá thuê mỗi năm là 4.000.000 đồng, không quy định thời hạn, còn nợ 4 năm chưa trả tiền thuê.

Ngoài số nợ vợ chồng nợ của anh Kh, nợ chị N, nợ ông T thì vợ chồng không còn nợ ai. Đối với người khác nợ vợ chồng thì có cha vợ là ông S nợ 1 lượng vàng 24k và số tiền 4.500.000 đồng do có thoả thuận cầm cố phần đất của ông Sơn diện tích khoảng 4-5 công tại ấp Đông Thới, huyện Cái Nước, giá 1 lượng vàng 24k, nhưng cho thuê lại mỗi năm 1.500.000 đồng, đã ba năm ông S không thanh toán tiền thuê. Phần nợ của ông S anh cũng không đặt ra yêu cầu Toà án xem xét trong vụ án này.

* Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Hoàng Kh và chị Huỳnh Tuyết N dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì và không tham gia H giải, xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Hoàng Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị Huỳnh Tuyết N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

Đối với anh Huỳnh Thanh T, ông Đặng Văn S có liên quan đến tài sản chung của chị Th và anh V nên quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng chị Th rút yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, được anh V thống nhất; ông Võ Văn Sơn có nợ chị Th và anh V nhưng chị Th và anh V cũng không yêu cầu ông Sơn trả nợ. Xét thấy, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của anh T, ông S và ông Sơn nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa các đương sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời việc chị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu về phân chia tài sản, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th là ý chí tự nguyện của chị, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh V tự nguyện chung sống năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị Th và anh V không được pháp luật thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn giữa anh chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị Th và ý kiến của anh V thấy rằng: Chị Th và anh V đều có yêu cầu được nuôi Khuê C, đối với Huỳnh N có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi chị Th và anh V ly thân thì Khuê C do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Huỳnh N sống cùng anh V, qua xem xét nguyện vọng của Huỳnh N thì Huỳnh N có nguyện vọng sống cùng anh V. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao Khuê C cho chị Th nuôi dưỡng; giao Huỳnh N cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung chị Th rút lại yêu cầu phân chia để tự thỏa thuận với anh V, được anh V thống nhất. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th là ý chí tự nguyện của chị nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản của chị Th.

Về nợ chung: Chị Th và anh V xác định ông Võ Văn Sơn có nợ anh chị 1 lượng vàng 24k và 4.500.000 đồng tiền cố đất, được ông Sơn thừa nhận nhưng chị Th và anh V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Sơn trả nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với số nợ của anh Huỳnh Hoàng Kh, chị Huỳnh Tuyết N theo anh V khai không được chị Th thừa nhận. Tuy nhiên, do anh Kh và chị N không có yêu cầu chị Th và anh V trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Hoàn trả cho chị Th số tiền án phí dân sự sơ thẩm do chị Th rút yêu cầu phân chia tài sản là 13.248.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Kiều Th với anh Huỳnh Thanh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Huỳnh N, sinh ngày 24/3/2012 cho anh Huỳnh Thanh V và giao Huỳnh Khuê C, sinh ngày 26/8/2020 cho chị Võ Thị Kiều Th tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Huỳnh N và Huỳnh Khuê C đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Th và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản của chị Võ Thị Kiều Th. Chị Th có quyền khởi kiện lại yêu cầu phân chia tài sản sau ly hôn khi có tranh chấp.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Kiều Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001906 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị Th đã nộp xong). Anh Tới phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Th không phải chịu, chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 13.248.000 đồng (mười ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002092 ngày 06/11/2024 được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**
**Huỳnh Ngọc Mai**